

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÙNG KHÁNH  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23/8/2021

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nông Văn Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Văn Khoa.

2. Bà: Ngôn Thị Liêm.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà:** Ông Lương Văn trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2021 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXHNGĐ - ST ngày 06 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị M, sinh năm 198x;

Nơi cư trú: Xóm N, xã Ng, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Bị Đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 198x;

Nơi cư trú: Xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng

Hiện đang chấp hành án tại Đội x, phân trại số x, Trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/7/2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Đàm Thị M trình bày: Sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh D được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào năm 2009, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng ngày 06/01/200x, việc đăng ký do hai bên tự nguyện tiến hành. Sau kết hôn,

chị về sống bên nhà chồng tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, do gia đình chị không có con trai, nên năm 2013 hai vợ chồng quay về sống ở nhà ngoại thuộc xóm N, xã Ng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bắt đầu quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên cãi cọ lời qua tiếng lại. Do nghi ngờ chị ngoại tình nên ngày 06/7/202x anh D đã dùng dao chém vào cổ chị gây thương tích 36%, sau đó anh D bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 05 năm tù về tội “Giết người”. Hiện nay anh D đang chấp hành án tại Đội x, phân trại số x, Trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Từ đó đến nay hai vợ chồng cũng không gặp nhau lần nào nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn anh D. Hai vợ chồng có một con chung tên Đàm Thị Bích Ng, sinh ngày 24/11/200x, hiện nay đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Giữa chị và anh D không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2021, bị đơn Hoàng Văn D xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị M trình bày là đúng và nhất trí ly hôn, nuôi con theo nguyện vọng của chị M. Đồng thời, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án.

Tại phiên tòa:

Chị M xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn anh D, sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đàm Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn D;
- Về con chung: Giao con chung cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh D;
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;
- Về án phí: Buộc chị M phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Hoàng Văn D có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm N, xã Ng, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. [2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Hoàng Văn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Đàm Thị M yêu cầu ly hôn anh Hoàng Văn D, dành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đàm Thị M và anh Hoàng Văn D sau thời gian tìm hiểu thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 200x. Sau đó tiến hành đăng ký kết hôn ngày 06/01/200x tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn giữa chị M và anh D là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Chỉ vì nghi ngờ vợ ngoại tình nên ngày 06/7/202x anh D đã dùng dao chém vào cổ chị gây thương tích 36%, sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 05 năm tù về tội “Giết người”. Điều đó chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình nghĩa vợ chồng với nhau nữa. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 01/8/2021, anh D cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị M cùng nguyện vọng được nuôi con của chị. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị M và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị M và anh D có 01 con chung tên Đàm Thị Bích N, sinh ngày 24/11/200x, hiện nay đang sống với chị M. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh D đang trong thời gian chấp hành án phạt tù, cháu N cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ, chị M là Giáo viên có thu nhập ổn định sẽ đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của cháu N. Mặt khác anh D cũng nhất trí để chị M chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần giao cháu N cho chị M chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh D là có căn cứ.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị M phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đàm Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn D.

2. *Về con chung*: Giao cháu Đàm Thị Bích N, sinh ngày 24/11/200x cho chị M chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh D.

Sau khi ly hôn, anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Đàm Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa  
phiên tòa**

**Đã ký**

**Đã ký**

**Ngôn Thị Liêm - Nguyễn Văn Khoa**

**Nông Văn Tùng**



